Phụ lục IV .3

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ QUẬN CÁI RĂNG

(Ban hành kèm Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ năm 2013
		TỪ	ĐẾN	
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	a) Đất ở tại đô thị			
1	Duy Tân	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	9,000,000
2	Đinh Tiên Hoàng	Quốc lộ 1	Ngô Quyền	9,000,000
3	Hàm Nghi	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	9,000,000
4	Hàng Gòn	Quốc lộ 1	Đường dẫn cầu Cần Thơ	2,000,000
		Đường dẫn cầu Cần Thơ	Sông Cái Răng bé	1,200,000
5	Hàng Xoài	Quốc lộ 1	Sông Cái Răng bé	1,500,000
6	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Trục chính		1,800,000
		Trục phụ		1,350,000
7	Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ (Áp dụng cho chuyển nhượng từ lần 2 trở đi; trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục đường chính đường A		5,000,000
		Trục đường chính đường B		3,500,000
8	Lê Bình	Quốc lộ 1	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	6,000,000
9	Lê Thái Tổ	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trãi	9,000,000
10	Lộ Hậu Thạnh Mỹ	Toàn tuyến		3,500,000
11	Đường trường Chính trị	Quốc lộ 1	Nhật Tảo	2,000,000
		Nhật Tảo	Chùa Ông Một	1,500,000
12	Lý Thường Kiệt	Ngô Quyền	Cầu Cái Răng	9,000,000

		Cầu Cái Răng	Đại Chủng Viện	4,000,000
13	Ngô Quyền	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trãi	9,000,000
14	Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Quốc lộ 1	6,000,000
15	Nguyễn Trãi nối dài	Quốc lộ 1	Nhật Tảo	2,500,000
		Nhật Tảo	Ngã ba Rạch Ranh	1,000,000
16	Nguyễn Việt Dũng	Quốc lộ 1	Võ Tánh	4,000,000
17	Nhật Tảo	Võ Tánh	Đường Trường Chính trị	1,500,000
18	Quốc lộ 1	Võ Tánh	Nguyễn Trãi	5,000,000
		Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Trãi	5,000,000
		Nguyễn Trãi	Lê Bình	7,000,000
		Lê Bình	Hàng Gòn	5,500,000
19	Trần Hưng Đạo	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Trãi	8,000,000
		Nguyễn Trãi	Lê Bình	5,000,000
		Lê Bình	Hàng Gòn	4,000,000
20	Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 1	Ngô Quyền	9,000,000
21	Võ Tánh	Quốc lộ 1	Đại Chủng Viện	5,000,000
		Đại Chủng Viện	Nguyễn Việt Dũng	4,000,000
		Nguyễn Việt Dũng	Vàm Ba Láng	2,500,000
22	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (phường Hưng Phú)	Toàn khu		2,000,000
23	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (phường Ba Láng)	Toàn khu		1,500,000
24	Nguyễn Thị Sáu (đường Số 6, khu dân cư 586)	Đường Nam sông Hậu	Đường Số 15, khu dân cư 586	5,000,000
25	Bùi Quang Trinh (đường Số 8, khu dân cư 586)	Đường Nam sông Hậu	Đường Số 15, khu dân cư 586	5,000,000
	b) Đất ở tiếp giáp các trục giao thông			
1	Đường Lê Bình - Phú Thứ	Cầu Lê Bình	Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,200,000
		Đường dẫn cầu Cần Thơ	Cái Tắc	1,000,000
2	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	Từ cầu Cái Răng Bé	Trường THPT Nguyễn Việt	1,500,000

			Dũng	
		Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Khu Thương mại Cái Chanh	1,000,000
3	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Thạnh Mỹ	Ranh phường Hưng Thạnh	Ngã ba vàm Nước Vận	1,000,000
4	Đường dẫn cầu Cần Thơ	Cầu Cần Thơ	Cầu Cái Da	2,000,000
		Cầu Cái Da	Quốc lộ 61B	1,500,000
5	Đường Nam sông Hậu	Cầu Hưng Lợi	Vòng xoay đường dẫn cầu Cần Thơ	2,000,000
		Vòng xoay đường dẫn cầu Cần Thơ	Rạch Cái Sâu	1,500,000
		Rạch Cái Sâu	Rạch Cái Cui	1,000,000
6	Đường vào cảng Cái Cui	Đường Nam sông Hậu	Cảng Cái Cui	1,000,000
7	Lộ Cái Chanh	Ngã ba số 10	Trụ sở UBND phường Thường Thạnh	1,500,000
		Trụ sở UBND phường Thường Thạnh	Trường học và các đường khu thương mại Cái Chanh	2,500,000
8	Lộ chợ số 10	Quốc lộ 1	Bến đò số 10	2,000,000
		Bến đò số 10	Giáp đường trường Chính trị	1,200,000
9	Lộ Đình Nước Vận	Lê Bình	Cầu Nước Vận	2,000,000
10	Lộ hậu Tân Phú	Toàn tuyến		800,000
11	Lộ mới 10m	Quốc lộ 1	Trần Hưng Đạo nối dài	2,000,000
12	Lộ Phú Thứ - Tân Phú	Toàn tuyến		1,000,000
13	Nguyên Hồng	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	2,500,000
14	Quang Trung	Cầu Quang Trung	Nút giao thông IC3	2,000,000
15	Quốc lộ 1	Hàng Gòn	Cầu số 10 (giáp tỉnh Hậu Giang)	5,000,000
16	Quốc lộ 61B	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	2,000,000
		Sông Ba Láng	Ranh huyện	1,000,000

			Phong Điền	
17	Trần Hưng Đạo nối dài (thuộc phường Thường Thạnh)	Công trường 6 cầu Cần Thơ	Lộ mới 10 m	1,200,000
		Lộ mới 10 m	Phần còn lại	1,800,000

Phụ lục V .3

BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ QUẬN CÁI RĂNG

(Ban hành kèm Quyết định số /2012/QĐ-UBND ngày tháng năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ năm 2013
		TỪ	ĐẾN	
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	a) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị			
1	Duy Tân	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	6,300,000
2	Đinh Tiên Hoàng	Quốc lộ 1	Ngô Quyền	6,300,000
3	Hàm Nghi	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	6,300,000
4	Hàng Gòn	Quốc lộ 1	Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,400,000
		Đường dẫn cầu Cần Thơ	Sông Cái Răng bé	840,000
5	Hàng Xoài	Quốc lộ 1	Sông Cái Răng bé	1,050,000
6	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Trục chính		1,260,000
		Trục phụ		945,000
7	Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ (Áp dụng cho chuyển nhượng từ lần 2 trở đi; trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục đường chính đường A		3,500,000
		Trục đường chính đường B		2,450,000
8	Lê Bình	Quốc lộ 1	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	4,200,000
9	Lê Thái Tổ	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trãi	6,300,000
10	Lộ Hậu Thạnh Mỹ	Toàn tuyến		2,450,000
11	Đường trường Chính trị	Quốc lộ 1	Nhật Tảo	1,400,000
		Nhật Tảo	Chùa Ông Một	1,050,000
12	Lý Thường Kiệt	Ngô Quyền	Cầu Cái Răng	6,300,000
		Cầu Cái Răng	Đại Chủng Viện	2,800,000

13	Ngô Quyền	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trãi	6,300,000
14	Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Quốc lộ 1	4,200,000
15	Nguyễn Trãi nối dài	Quốc lộ 1	Nhật Tảo	1,750,000
		Nhật Tảo	Ngã ba Rạch Ranh	700,000
16	Nguyễn Việt Dũng	Quốc lộ 1	Võ Tánh	2,800,000
17	Nhật Tảo	Võ Tánh	Đường Trường Chính trị	1,050,000
18	Quốc lộ 1	Võ Tánh	Nguyễn Trãi	3,500,000
		Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Trãi	3,500,000
		Nguyễn Trãi	Lê Bình	4,900,000
		Lê Bình	Hàng Gòn	3,850,000
19	Trần Hưng Đạo	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Trãi	5,600,000
		Nguyễn Trãi	Lê Bình	3,500,000
		Lê Bình	Hàng Gòn	2,800,000
20	Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 1	Ngô Quyền	6,300,000
21	Võ Tánh	Quốc lộ 1	Đại Chủng Viện	3,500,000
		Đại Chủng Viện	Nguyễn Việt Dũng	2,800,000
		Nguyễn Việt Dũng	Vàm Ba Láng	1,750,000
22	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (phường Hưng Phú)	Toàn khu		1,400,000
23	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (phường Ba Láng)	Toàn khu		1,050,000
24	Nguyễn Thị Sáu (đường Số 6, khu dân cư 586)	Đường Nam sông Hậu	Đường Số 15, khu dân cư 586	3,500,000
25	Bùi Quang Trinh (đường Số 8, khu dân cư 586)	Đường Nam sông Hậu	Đường Số 15, khu dân cư 586	3,500,000
	b) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tiếp giáp các trục giao thông			
1	Đường Lê Bình - Phú Thứ	Cầu Lê Bình	Đường dẫn cầu Cần Thơ	840,000
		Đường dẫn cầu Cần Thơ	Cái Tắc	700,000
2	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	Từ cầu Cái Răng Bé	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1,050,000
		Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Khu Thương mại Cái Chanh	700,000

3	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Thạnh Mỹ	Ranh phường Hưng Thạnh	Ngã ba vàm Nước Vận	700,000
4	Đường dẫn cầu Cần Thơ	Cầu Cần Thơ	Cầu Cái Da	1,400,000
		Cầu Cái Da	Quốc lộ 61B	1,050,000
5	Đường Nam sông Hậu	Cầu Hưng Lợi	Vòng xoay đường dẫn cầu Cần Thơ	1,400,000
		Vòng xoay đường dẫn cầu Cần Thơ	Rạch Cái Sâu	1,050,000
		Rạch Cái Sâu	Rạch Cái Cui	700,000
6	Đường vào cảng Cái Cui	Đường Nam sông Hậu	Cảng Cái Cui	700,000
7	Lộ Cái Chanh	Ngã ba số 10	Trụ sở UBND phường Thường Thạnh	1,050,000
		Trụ sở UBND phường Thường Thạnh	Trường học và các đường khu thương mại Cái Chanh	1,750,000
8	Lộ chợ số 10	Quốc lộ 1	Bến đò số 10	1,400,000
		Bến đò số 10	Giáp đường trường Chính trị	840,000
9	Lộ Đình Nước Vận	Lê Bình	Cầu Nước Vận	1,400,000
10	Lộ hậu Tân Phú	Toàn tuyến		560,000
11	Lộ mới 10m	Quốc lộ 1	Trần Hưng Đạo nối dài	1,400,000
12	Lộ Phú Thứ - Tân Phú	Toàn tuyến		700,000
13	Nguyên Hồng	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	1,750,000
14	Quang Trung	Cầu Quang Trung	Vòng xoay đường dẫn cầu Cần Thơ	1,400,000
15	Quốc lộ 1	Hàng Gòn	Cầu số 10 (giáp tỉnh Hậu Giang)	3,500,000
16	Quốc lộ 61B	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	1,400,000
		Sông Ba Láng	Ranh huyện Phong Điền	700,000
17	Trần Hưng Đạo nối dài (thuộc phường Thường Thạnh)	Công trường 6 cầu Cần Thơ	Lộ mới 10 m	840,000
		Lộ mới 10 m	Phần còn lại	1,260,000